

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2021/DS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2021
*V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơ.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Diễm Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc N, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số A đường G, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Đỗ Thành T, sinh năm: 1950;

2.2. Bà Trần Thị Bạch D, sinh năm: 1962;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà H, ông T, vắng mặt bà D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc N và bà Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Bùi Thị Ngọc N có bán thức ăn gia súc cho vợ chồng ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D để chăn nuôi heo từ trước năm 2016, hình thức mua bán thanh toán bằng tiền mặt. Đến ngày 22/9/2018 vợ chồng ông T, bà D còn nợ lại bà N số tiền 180.000.000 đồng, có làm văn bản tổng kết nợ có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông T, bà D.

Kể từ ngày 22/9/2018 vợ chồng ông T, bà D bán toàn bộ đàn heo và không chăn nuôi nữa. Bà N có cho vợ chồng ông T, bà D trả dần tiền nợ đến tháng 10/2020 thì còn nợ lại 104.000.000 đồng, từ tháng 10/2020 đến nay vợ chồng ông T, bà D không trả thêm khoản nào, bà N nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông T, bà D vẫn không trả thêm. Do đó, bà N bàn với ông T mua cát bơm san lấp để trừ nợ, nhưng ông T chỉ bơm được 70 khối tương đương 7.000.000 đồng thì ngưng.

Nay bà N đồng ý trừ tiền bơm cát 7.000.000 đồng, buộc ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D liên đới trả cho bà số tiền 97.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/10/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên hòa giải ngày 13/4/2021, bà Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 104.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Đỗ Thành T trình bày: Ông thừa nhận vợ ông là bà D có nợ tiền mua thức ăn gia súc của bà N với số tiền là 180.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ, vợ ông bỏ đi khỏi địa phương, hàng tháng ông đứng ra trả 4.000.000 đồng cho bà N, hiện nay còn nợ lại 104.000.000 đồng. Sau đó ông và bà N thỏa thuận bơm cát trừ nợ, nhưng bà N không trả tiền bơm cát cho con trai ông mà cản trở nợ nên không có tiền mua nhiên liệu bơm cát. Nay ông đồng ý trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho bà N cho đến khi hết số nợ 104.000.000 đồng. Không đồng ý cản trở tiền bơm cát, đề nghị Tòa án không giải quyết tiền bơm cát trong vụ án này.

* Bị đơn bà Trần Thị Bạch D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà N.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị

Bạch D liên đới trả cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền 104.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Ông Đỗ Thành T đồng ý trả số tiền 104.000.000 đồng cho bà N, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc N căn cứ vào sổ ghi chép việc mua bán thức ăn gia súc để khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D trả số tiền 104.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D cùng cư trú tại ấp T, xã S, TP M, tỉnh Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tại thời điểm xác lập hợp đồng mua bán, bà Trần Thị Bạch D thể hiện nơi cư trú tại ấp T, xã S, TP M, tỉnh Tiền Giang, nhưng khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chồng bà D là ông Thoi thông báo bà D đã bỏ đi khỏi địa phương. Như vậy sau khi xác lập hợp đồng mua bán với bà Bùi Thị Ngọc N cho đến nay, bà D không thông báo cho bà N biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do vậy, trường hợp của bà D được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đối với bà D đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà D.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Từ trước năm 2016, vợ chồng ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D có chăn nuôi heo và mua thức ăn gia súc của bà Bùi Thị Ngọc N. Hình thức mua bán thanh toán bằng tiền mặt. Đến ngày 22/9/2018 vợ chồng ông T, bà D còn nợ lại bà Ngân số tiền 180.000.000 đồng, có làm văn bản tổng kết nợ có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông T, bà D. Kể từ

ngày 22/9/2018 vợ chồng ông T, bà D bán toàn bộ đàn heo và không chăn nuôi nữa. Bà N có cho vợ chồng ông T, bà D trả dần tiền nợ đến tháng 10/2020 thì còn nợ lại 104.000.000 đồng, từ tháng 10/2020 đến nay vợ chồng ông T, bà D không trả thêm khoản nào, bà N nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông T, bà D vẫn không trả tiền. Do đó, bà N khởi kiện buộc ông T, bà D liên đới trả số tiền 104.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận vợ ông là bà D có nợ bà N số 180.000.000 đồng, ông không biết gì về số nợ trên, nhưng khi bà D bỏ đi khỏi địa phương, ông là người đứng ra trả dần cho bà N, hiện nay còn nợ lại số tiền 104.000.000 đồng, với yêu cầu khởi kiện của bà N ông đồng ý, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Căn cứ sổ ghi chép việc mua bán thức ăn do bà N cung cấp cùng với lời thừa nhận của ông T tại phiên tòa, xác định số nợ mà bà N yêu cầu là nợ chung của vợ chồng ông T, bà D. Bởi việc chăn nuôi heo của bà D nhằm tạo ra thu nhập phục vụ sinh hoạt hằng ngày và phát triển kinh tế gia đình. Ông T trình bày không biết gì về số trên nhưng khi bà D bỏ đi, ông là người đứng ra trả nợ hàng tháng, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa ông T đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 104.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông T, bà D.

Tại phiên tòa, bà H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với phương án trả dần mà ông T đưa ra. Điều 440 Bộ luật dân sự quy định “Bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời gian, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Do đó, việc ông T xin trả dần không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 244; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc N.

Buộc ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền 104.000.000 (*một trăm lẻ tư triệu*) đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của Bùi Thị Ngọc N.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.200.000 đồng, ông Đỗ Thành T và bà Trần Thị Bạch D mỗi người phải nộp 2.600.000 (*hai triệu sáu trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Thành T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên không phải nộp số tiền trên.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.485.000 (*hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0004873 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Ngọc N, ông Đỗ Thành T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Bạch D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng

